

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 25 tháng 4 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mực nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa			7.091,090			6.848,033	96,57		
1	Hồ Nam Đà	Đắk Nia	8,20	1.082,800	Tự do	-0,90	1.044,322	96	Đảm bảo	
2	Hồ Chế Biên	Đắk Nia	4,00	689,800	Tự do	-0,35	676,497	98	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Koi Poul Dăng	Đắk Nia	5,40	230,000	Tự do	-0,95	223,391	97	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đò)	Đắk Nia	4,70	426,600	Tự do	-1,23	396,484	93	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790,100	Tự do	-1,40	743,478	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	355,690	Tự do	-0,80	338,310	95	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306,190	Tự do	-1,20	286,244	93	Đảm bảo	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	3,00	574,500	Tự do	-1,20	567,577	99	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	772,160	Tự do	-0,75	721,839	93	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	68,900	Tự do	-1,80	59,108	86	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	603,750	Cửa van	0,00	603,750	100	Đảm bảo	
12	Hồ Tô 5	Nghĩa Trung	4,00	300,000	Tự do	0,00	300,000	100	Đảm bảo	
13	Hồ Tô 6	Nghĩa Trung	4,50	286,000	Tự do	-0,30	281,152	98	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605,000	Tự do	0,10	605,880	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô			22.234,310			15.547,500	69,93		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rồ	Đắk Đ'rô	18,00	12.230,000	Cửa van	-7,80	8.532,560	70	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3.600,000	Tự do	-1,60	3.111,860	86	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	4,00	3.264,920	Tự do	- 3,20	2.129,300	65	Không đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Năm N'Dir	1,50	456,900	Tự do	-0,95	420,420	92	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pok	Năm N'Dir	2,50	846,000	Tự do	-0,90	719,100	85	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695,000	Tự do	-1,80	489,920	70	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rcập	Nam Nung	5,10	598,520	Tự do	<MNC	76,000	13	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dơng	Quảng Phú	3,17	173,870	Tự do	<MNC	23,010	13	Không đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	7,10	369,100	Tự do	<MNC	45,330	12	Đảm bảo	
10	Trạm Bơm Đắk Rền	Năm N'Dir							Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Suk	Quảng Phú				1,50			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song			12.611,230			10.756,725	85,29		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	1.717,660	Tự do	-1,25	1.359,810	79	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muồng	Thuận Hạnh	3,00	1.431,000	Tự do	-0,30	1.323,680	93	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuál	Đắk N'Drưng	7,77	1.230,700	Cửa van	-0,82	1.102,960	90	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhאי	Trường Xuân	8,01	1.064,700	Tự do	-0,80	963,300	90	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115,000	Tràn giếng	-1,95	71,030	62	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	759,000	Tự do	-0,65	625,660	82	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	TĐ Đức An	8,80	907,670	Cửa van	-0,32	876,440	97	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Muồng	TĐ Đức An	5,70	321,500	Tràn giếng	-3,60	148,750	46	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Năm N'Jang	7,00	641,800	Tự do	-0,65	586,180	91	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Năm N'Jang	Năm N'Jang	4,40	563,950	Cửa van	-0,30	529,420	94	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'Drưng	6,80	748,800	Tự do	-0,99	647,250	86	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'Drưng	4,50	252,000	Tự do	-1,12	173,600	69	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'Drưng	4,20	145,000	Tự do	0,02	142,825	99	Đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'Drưng	3,20	135,000	Cửa van	-0,60	114,750	85	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'Drưng	3,20	114,000	Tự do	-0,37	94,830	83	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	262,000	Tự do	-0,90	227,830	87	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742,600	Cửa van	-1,00	661,000	89	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mrung	Thuận Hạnh	2,70	479,950	Tự do	-0,60	373,290	78	Đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	4,70	455,900	Tràn giếng	-0,80	379,920	83	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249,500	Tự do	-2,00	162,170	65	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	273,500	Tự do	-1,40	192,030	70	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức		-	13.566,020			10.219,110	75,33		
1	Hồ Đắk R'Tih	Đắk R'Tih	6,00	2.224,000	Tự do	-0,74	1.999,780	90	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Bưk So	Đắk Bưk Sor	3,53	1.081,000	Tự do	-1,35	800,740	74	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ria	Đắk R'Tih	3,60	1.049,000	Tự do	-1,40	535,200	51	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trưc	4,70	313,300	Tự do	-0,90	252,100	80	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huýt	Quảng Trưc	8,40	390,000	Tự do	-1,80	240,780	62	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Biêng	Đắk R'Tih	3,20	709,000	Cửa van	-2,50	291,500	41	Không đảm bảo	Đang thực hiện điều tiết nước từ hồ Đắk Bư Rley
7	Đập Bon Đắk Bư Lum	Quảng Trưc	5,50	138,470	Tự do	-2,00	66,470	48	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trưc	6,90	403,700	Tự do	-1,80	254,300	63	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pư Prăng)	Quảng Trưc	5,00	107,900	Tự do	-0,03	107,090	99	Đảm bảo	
10	Hồ Doãn Văn	Đắk R'Tih	3,90	728,400	Tự do	-2,00	268,400	37	Không đảm bảo	
11	Đập Đắk Bư Rley	Đắk R'Tih	5,00	115,520	Tự do	-1,50	69,620	60	Đảm bảo	
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Bưk Sor	5,70	562,300	Tự do	-0,90	382,390	68	Đảm bảo	
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	7,13	460,800	Tự do	-1,10	335,400	73	Đảm bảo	
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	8,00	460,800	Tự do	-0,40	419,200	91	Đảm bảo	
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	8,00	562,500	Tự do	-0,85	464,750	83	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
16	Đập Đắk Rma	Đắk Buk Sor	3,90	335,800	Tự do	-0,04	332,080	99	Đảm bảo	
17	Đập Đắk Huýt 4	Quảng Trục	4,30	377,830	Tự do	-1,00	217,830	58	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trục	7,00	815,000	Tự do	-0,03	808,850	99	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắk Ngo	4,58	650,000	Tự do	-0,80	585,000	90	Đảm bảo	
20	Hồ Số 2	Đắk Ngo	48,39	287,000	Tự do	-1,60	229,600	80	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắk Ngo	5,06	311,000	Tự do	-1,90	248,800	80	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắk Ngo	5,00	252,000	Tự do	-1,20	201,600	80	Đảm bảo	
23	Hồ Đắk Tiên Tranh	Đắk Buk So	4,10	1.230,700	Tự do	-1,25	1.107,630	90	Đảm bảo	
V Huyện Đắk RLấp				27.037,690			24.065,341	89,01		
1	Hồ Đắk R Tạng	Kiến Thành	4,00	1.340,000	Tự do	-0,85	1.228,630	92	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắk Sín)	Đắk Sín	3,80	1.213,250	Cửa van	-0,80	1.118,689	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	14,00	8.090,000	Tự do	-5,40	6.435,180	80	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4,50	452,000	Cửa van	-0,40	424,388	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9,10	1.103,000	Tự do	-0,40	1.084,420	98	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Cồn	Đạo Nghĩa	4,80	773,810	Tự do	-0,65	707,640	91	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Sinh (Hồ thôn 5)	Đắk Sín	3,50	1.164,440	Tự do	-0,02	1.150,000	99	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	4,84	938,900	Tự do	-2,00	815,180	87	Đảm bảo	
9	Hồ Đắk Nêr	Nhân Đạo	6,10	1.000,700	Tự do	-0,25	983,635	98	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6,50	461,300	Tự do	-0,25	455,990	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5,40	183,600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6,50	403,030	Tự do	-0,30	394,370	98	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắk Sín	4,80	702,070	Tự do	-0,40	680,860	97	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắk Sín	6,90	745,000	Tự do	-0,66	694,289	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắk Sín	Đắk Sín	3,40	686,060	Tự do	-1,00	622,900	91	Đảm bảo	
16	Hồ Đắk Blao	TT Kiến Đức	4,00	264,480	Tự do	-0,40	246,800	93	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Đa Dung	TT Kiến Đức	8,60	289,400	Tự do	-0,85	277,360	96	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk R Mư	Nhân Đạo	6,90	764,350	Tự do	-2,00	663,239	87	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk R sung	Nhân Đạo	5,40	494,000	Tự do	-0,20	487,521	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	6,77	916,700	Tự do	-1,35	825,764	90	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6,00	350,000	Tự do	-0,20	347,040	99	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6,60	517,000	Tự do	-0,10	514,350	99	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắk Xá	Quảng Tín	4,10	408,100	Tự do	-2,70	318,830	78	Đảm bảo	
24	Hồ Đắk Ru I	Đắk Ru	3,20	422,000	Tự do	0,00	422,000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Ru II	Đắk Ru	6,00	458,900	Tự do	-0,50	446,320	97	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Tát	Hưng Bình	5,00	544,000	Tự do	-1,60	441,490	81	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắk Sín	Hưng Bình	4,30	418,100	Cửa van	-0,60	392,440	94	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	6,60	610,300	Tự do	-0,30	596,540	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4,00	120,000	Tự do	-0,25	118,528	99	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	5,40	494,000	Tự do	0,05	494,000	100	Đảm bảo	
31	Hồ Đắk Krung	Đắk Wer	1,70	532,000	Tự do	-0,30	509,801	96	Đảm bảo	
32	Đập Đắk Jeng Tung	Kiến Thành	5,50	177,200	Cửa van	-0,60	167,15	94	Đảm bảo	
VI Huyện Đắk GLong				11.656,600			9.510,830	81,59		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3,50	1.200,000	Tự do	-0,05	1.186,200	99	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4,00	1.098,450	Tự do	-1,15	918,050	84	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Hlang	Quảng Khê	7,70	524,170	Tự do	-0,51	477,250	91	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2,50	190,000	Tự do	0,15	198,550	105	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9,60	568,800	Tự do	-0,60	534,000	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi)	Quảng Khê	2,17	410,300	Tự do	0,00	410,300	100	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8,50	356,320	Tự do	-0,68	312,120	88	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Srê	Quảng Khê	4,30	732,900	Tự do	-1,50	452,400	62	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2,00	350,000	Tự do	-0,51	327,560	94	Đảm bảo	
10	CTTL N'Jer	Quảng Khê	8,27		Tự do	-0,85			Đảm bảo	
11	Hồ Bă Rai	Quảng Khê	3,50		Tự do	-1,75			Đảm bảo	
12	Hồ Bi Zê Rê	Đắk Sơn	8,00	332,700	Tự do	-0,70	290,700	87	Đảm bảo	
13	Hồ BĐong	Đắk Sơn	2,50	400,000	Tự do	-0,03	395,800	99	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắk Sơn	8,40	241,400	Tự do	-4,70	48,700	20	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
15	Hồ Chum Ia	Đắk Sơn	3,00		Tự do	-0,50			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn 1	Đắk Ha	7,80	84,000	Tự do	-0,82	67,600	80	Đảm bảo	
17	Hồ Đắk Bông	Đắk Ha	8,10	165,120	Tự do	-0,95	135,670	82	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Ha	Đắk Ha	8,00	691,000	Tự do	-1,50	578,500	84	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk R Tiêng	Đắk Ha	8,30	169,340	Tự do	-0,70	146,870	87	Đảm bảo	
20	Hồ Trang Ba	Đắk Ha	4,50	270,000	Tự do	-2,95	189,000	70	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
21	Hồ Đắk Snao	Đắk R' m'ang	2,90	594,800	Tự do	-0,45	492,650	83	Đảm bảo	
22	Hồ Đa Hang Lang	Đắk R' m'ang	3,50		Tự do	-0,70			Đảm bảo	
23	Hồ Đeo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6,50	240,000	Tự do	-3,40	52,660	22	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
24	Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3,00	560,250	Tự do	-2,50	307,750	55	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7,90	145,000	Tự do	-1,80	89,800	62	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Snao 3	Quảng Sơn	3,50	620,520	Tự do	-0,05	614,850	99	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8,06	625,500	Tự do	-1,55	436,400	70	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắk Nder 2	Quảng Sơn	3,80	456,030	Tự do	-1,00	286,230	63	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2,50	370,000	Tự do	-0,31	319,780	86	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2,00	260,000	Tự do	-0,32	241,440	93	Đảm bảo	
VII Huyện Đắk Mil				20.262,220			12.144,487	59,94		
1	Công trình hồ Đắk Săk	Đức Minh	10,00	7.747,500	Tự do	-3,25	4.651,875	60	Đảm bảo	
2	Hồ Tây	TT Đắk Mil	3,85	2.830,480	Tự do	-1,25	1.926,514	68	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4,00	620,000	Tự do	-2,55	197,368	32	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	4,00	350,000	Cửa van	-3,15	71,225	20	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	5,20	498,000	Cửa van	-2,80	168,462	34	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6,55	513,960	Tự do	-1,40	374,685	73	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3,40	618,680	Cửa van	-1,60	222,585	36	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	8,00	133,400	Cửa van	-4,48	72,080	54	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	4,56	91,600	Cửa van	-4,50	29,009	32	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	3,00	30,000	Tự do	-1,65	6,075	20	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắk Louu	Đắk Lao	8,50	55,000	Tự do	-0,10	51,075	93		Cả phê thiếu đợt 3,4
12	Công trình Đắk Rla	Đắk N'DRót	4,00	165,000	Tự do	-2,00	55,000	33	Đảm bảo	
13	Công trình Hồ Rv I	Đắk Rla	8,00	283,500	Cửa van	-2,20	168,153	59	Đảm bảo	
14	Công trình Hồ Rv II	Đắk Rla	12,70	1.314,050	Cửa van	-3,66	808,391	62	Đảm bảo	
15	Công trình Đắk NDRót	Đắk N'DRót	7,50	220,000	Tự do	-3,80	79,218	36	Đảm bảo	
16	Công trình Đắk Láp	Đắk Găn	4,00	165,000	Tự do	-2,74	29,507	18	Đảm bảo	
17	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRót	3,70	192,300	Cửa van	-2,40	64,231	33	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	2,50	50,000	Cửa van	-0,47	32,967	66	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắk Mil	3,00	37,500	Tự do	0,70	18,741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	2,00	30,000	Tự do	-1,45	2,269	8	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiến	Đức Minh	3,00	30,000	Tự do	-1,75	5,208	17	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắk Sắk	2,00	720,000	Tự do	0,01	720,000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2,00	45,000	Tự do	-0,20	39,200	87	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắk	Thuận An	4,00	475,000	Tự do	-1,20	313,000	66	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	7,00	315,000	Tự do	-3,70	70,007	22	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6,00	285,000	Tự do	-2,00	148,333	52	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắk Gân	Đắk Gân	4,00	61,250	Tự do	-2,87	10,092	16	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hòn	Đức Mạnh	10,00	1.275,000	Tự do	-2,63	908,168	71	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	4,80	288,000	Tự do	-0,50	231,125	80	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắk Lao		600,000	Tự do	-0,10	580,167	97	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắk Lao		110,000	Tự do	-1,20	74,768	68	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắk Lao		102,000	Tự do	-2,96	6,895	7	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
33	Thọ Hoàng	Đắk Sắk	4,80	10,000	Tự do	-0,10	8,094	81	Đảm bảo	
VIII	Huyện Cư Jút			12.110,150			2.024,580	16,72		
1	Hồ Đắk Diêr	Cư Knia	6,40	5.500,600	Tự do	-4,50	925,220	17	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Đrông	Đắk Đrông	4,00	3.766,700	Cửa van	<MNC	655,270	17	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buôr	Tầm thẳm	1,40	298,520	Cửa van	-3,00	135,360	45	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6,50	424,000	Tự do	-6,50	7,950	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắk Wil	3,10	194,250	Tự do	-2,60	9,600	5	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắk Wil	6,05	614,060	Tự do	-3,10	166,940	27	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Diêr	Đắk Đrông	3,90	392,520	Tự do	<MNC			Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6,70	919,500	Cửa van	-5,40	124,240	14	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:			126.569,310			91.116,606	71,99		